

Phụ lục 9

(Kèm theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Phiếu an toàn hóa chất Natri Photphat- Na_3PO_4			
Số CAS: 7601-54-9 Số UN: Chưa có thông tin Số đăng ký EC: Chưa có thông tin Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục quốc gia khác (nếu có)			
I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT			
- Tên thường gọi của chất: Natri Phosphat		Mã sản phẩm (nếu có)	
- Tên thương mại: Natri Phosphat			
- Tên khác (không là tên khoa học): Trinatri photphat, Trisodium phosphate			
- Mục đích sử dụng: Dùng cho sản xuất ngành công nghiệp		Tên nhà Phân phối: Công Ty TNHH Hoa Việt Chemgroup Địa chỉ liên hệ: A2/11Y, tổ 3, ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh Điện thoại: 0898.517.996	
II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN HÓA CHẤT			
Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%theo trọng lượng)
Natri Photphat	7601-54-9	Na_3PO_4	96%

III. NHẬN DẠNG ĐẶT TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm:

Phân loại nguy hại theo UN:

2. Cảnh báo nguy hiểm :

- Không cháy.
- Nguy hiểm nếu nuốt phải, có thể gây ảnh hưởng tới thận.
- Chất này có thể bị hấp thụ vào cơ thể qua đường hô hấp và qua đường tiêu hóa.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Có thể gây dị ứng mắt.
- Đường thở: Có thể gây dị ứng cho hệ hô hấp
- Đường da: Có thể gây dị ứng da
 - Đường tiêu hóa: Nếu nuốt phải một lượng lớn có thể gây dị ứng dạ dày.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): Rửa ngay với nước sạch ít nhất trong 15 phút và đi cấp cứu

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Cởi bỏ quần áo, rửa sạch với lượng nước lớn và xà phòng. Nếu có hiện tượng bị ngộ độc thì phải xử lý như điều 3.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Đưa nạn nhân ra chỗ thoáng khí. Làm hô hấp nhân tạo nếu nạn nhân không thở được. Không hô hấp nhân tạo bằng kỹ thuật miệng-miệng hoặc miệng-mũi, phải sử dụng dụng cụ hô hấp thích hợp.

Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): Rửa sạch miệng. Không làm nôn. Cần có sự trợ giúp y tế.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

V. BIỆN PHÁP SỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy : Dễ cháy, hỗn hợp hơi với không khí có thể gây nổ

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: Carbon dioxide, carbonmonoxide,

3. Các tác nhân gây cháy, nổ : tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác: Sử dụng bình chữa cháy CO₂, hóa chất chữa cháy, bột chữa cháy và phun hơi. Không dùng tia nước để chữa cháy vì có thể gây cháy lan..

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy: Sử dụng bình thở và các quần áo bảo hộ thích hợp

6.Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có) : Xử lý theo quy trình cháy hóa chất	
VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ	
1 Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ: Đưa người đến vị trí an toàn. Tránh hít hơi hoặc bụi hóa chất. Tắt nguồn gây tia lửa. Mặc quần áo bảo hộ có bình thở. Đậy kín nguồn gây rò rỉ nếu việc này không gây nguy hiểm cho người thực hiện. 2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng: Sử dụng cát để hấp thu. Ngăn ngừa hóa chất chảy vào nguồn nước, tầng hầm.	
VII.YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ	
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm - Tránh tiếp xúc trực tiếp với da và mắt - Tuân thủ các quy trình khi vận hành và lấy mẫu - Có biển cảnh báo tại nơi chứa hoá chất - Rửa tay sau khi thao tác với hoá chất 2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản - Bảo quản nơi khô thoáng - Được đựng trong các thiết bị kín như thùng có nắp đậy, bao bì kín - Không để gần nơi chứa các vật liệu có tính acid - Các vật liệu không tương thích như: nhôm, kẽm, đồng, các hợp kim ..	
VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN	
1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết Có quạt thông gió, hút hơi để làm giảm bớt lượng nhiệt khi tiếp xúc với hoá chất 2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc - Bảo vệ mắt; Kính bảo hộ - Bảo vệ thân thể: Quần áo bảo hộ - Bảo vệ tay: Găng tay chống hoá chất - Bảo vệ chân. ủng 3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố 4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...)	
IX. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CHẤT CỦA HÓA CHẤT	
- Trạng thái vật lý: Dạng bột	Điểm sôi (°C)
- Màu sắc: Màu trắng	Điểm nóng chảy (°C): 73.5 °C phân hủy
- Mùi đặc trưng: Không mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định: Không phù hợp

- Áp suất hóa hơi (mm HG) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: Không phù hợp	Nhiệt độ tự cháy ($^{\circ}\text{C}$): Không phù hợp
- Tỷ trọng hơi (Không khí=1) ở nhiệt độ áp suất tiêu chuẩn: 2.1 g/cm^3	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Không phù hợp
- Độ hòa tan trong nước: 8.8 g/100 mL (25°C)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí)
- Độ PH: >14	Tỷ lệ hóa hơi: Chưa có thông tin
- Khối lượng riêng : 1.620 g/cm^3	Các tính chất khác nếu có: nồng độ tối đa cho phép trong không khí

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

- Tính ổn định** : Nhạy sáng, nhạy với không khí. Hỗn hợp hơi với không khí gây nổ
- Khả năng phản ứng**:
 - Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy:
 - Các phản ứng nguy hiểm : Gây cháy nổ
 - Các chất có phản ứng sinh nhiệt, khí độc hại, các chất không bảo quản chung...): -
 - Tránh bảo quản chung với các hợp chất chất oxy hóa mạnh,
 - Phản ứng trùng hợp: không có

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Natri Photphat	LC50	177mg/kg-1	Hô hấp	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người không được phân loại là chất gây ung thư theo CSHA, ACGIH

2. Các ảnh hưởng độc khác: Chưa có thông tin

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Natri Phosphat			Chưa có thông tin
Thành phần 2 (nếu có)			

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học - Chỉ số BOD và COD - Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học - Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học
--

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

- 1. Thông tin quy định tiêu hủy :** Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm
- 2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải**
- 3. Biện pháp tiêu hủy:** Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm
- Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của Chính phủ quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/03/2005 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa	7601-54-9	Natri Phosphat	không	25 kg/bao	Không có	
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: Không

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ: Không

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 02/01/2023

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: CÔNG TY TNHH HOA VIỆT CHEMGROUP

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

Hướng dẫn bổ sung:

1. Những thông tin có kèm theo từ “nếu có” được biên soạn tùy theo điều kiện cụ thể, không hàm ý bắt buộc.
2. Phải ghi đầy đủ thông tin cần thiết vào các mục trong phiếu.
3. Trường hợp không có thông tin, ghi cụm từ “chưa có thông tin”
4. Trường hợp thông tin không phù hợp, ví dụ một chất rắn không bay hơi nên không có thông số áp suất hóa hơi, ghi cụm từ “không phù hợp”
5. Trường hợp các thông tin có sẵn chỉ ra mức độ không nguy hiểm tương xứng với mục từ cần ghi, ghi cụ thể rõ ràng thông tin chỉ ra tính chất không nguy hiểm theo phân loại của tổ chức nhất định: ví dụ Thông tin về ảnh hưởng mãn tính, ghi “không được phân loại là chất gây ung thư như theo OSHA, ACGIH...”
6. Đơn vị đo lường sử dụng trong phiếu áp dụng theo quy định của pháp luật.
7. Cách ghi hàm lượng thành phần